TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TÂN HIỆP** TỈNH KIÊN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 22/2025/DS - ST
Ngày: 25-6-2025
V/v "*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản* ".

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN HIỆP, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Danh Vũ**

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà **Phan Thị Trúc Phương**

2. Bà **Nguyễn Thị Việt Tím**

- Thư ký phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Cẩm Ni, thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang. Không tham gia phiên Tòa.

Trong ngày 25 tháng 6 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Hiệp,tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 43/2025/TLST-DS ngày 15 tháng 4 năm 2024 về việc *" Tranh chấp hợp đồng vay tài sản "* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 25/2025/QĐXXST-DS ngày 06 tháng 6 năm 2025 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Trần Văn Đ, sinh năm: 1952 (Có mặt)

Địa chỉ: Số 188, ấp T L, xã T Th, huyện T H, tỉnh Kiên Giang.

Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Lê Quang Đ, sinh năm: 1957 (Có đơn vắng mặt)

Địa chỉ: Khu phố Đ H, thị trấn T H, huyện T H, tỉnh Kiên Giang.

Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Th, sinh năm: 1963 (Có đơn xin vắng mặt)

Địa chỉ: ấp T L, xã T Th, huyện T H, tỉnh Kiên Giang.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

Ông Trần Văn B, sinh năm: 1962 (Có đơn xin vắng mặt)

Địa chỉ: ấp T L, xã T Th, huyện T H, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 24/3/2025 và các lời khai có trong hồ sơ vụ án tại phiên tòa nguyên đơn ông Trần Văn Đ trình bày:

Nguyên trước đây vào năm 2021 bà Nguyễn Thị Th có hỏi vay của ông Trần Văn Đ 110.000.000đ *(Một trăm mười triệu đồng)* và 9 (chín) chỉ vàng 24kr9999, bà Th hứa khi nào làm lúa xong sẽ trả hết nợ cho ông Đ. Tuy nhiên khi đến hạn trả nợ bà Th chỉ trả cho ông Đ số tiền 50.000.000đ *(Năm mươi triệu đồng)* và 04 (bốn) chỉ vàng 24kr 9999 và còn nợ lại ông Đ số tiền 60.000.000đ *(Sáu mươi triệu đồng)* và 05 (năm) chỉ vàng 24kr9999. Đến ngày 28/10/2024 bà Th có làm biên nhận nợ cho ông Đ thừa nhận còn nợ số tiền 60.000.000đ *(Sáu mươi triệu đồng)* và 05 (năm) chỉ vàng 24kr9999 ông Đ có đến nhà đòi nhiều lần nhưng bà Th chỉ hứa hẹn mà không chịu trả.

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn xin rút lại yêu cầu tính lãi và rút lại yêu cầu khởi kiện đối với người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Trần Văn B, không yêu cầu ông Trần Văn B liên đới trả nợ trong vụ kiện này.

Tại phiên tòa nguyên đơn ông Trần Văn Đ khởi kiện yêu cầu bà Nguyễn Thị Th trả 60.000.000đ *(Sáu mươi triệu đồng)* và 05 (năm) chỉ vàng 24kr9999 yêu cầu trả một lần và không yêu cầu tính lãi. Ông Đ chỉ yêu cầu một mình bà Th trả số nợ trên.

Bị đơn bà Nguyễn Thị Th trình bày theo bản tự khai ngày 06 tháng 5 năm 2025: Bà Th xác nhận hiện nay bà còn nợ ông Trần Văn Đ 60.000.000đ *(Sáu mươi triệu đồng)* và 05 (năm) chỉ vàng 24kr9999. Do hoàn cảnh gia đình đang khó khăn bà xin trả dần số nợ trên cho ông Đ cụ thể như sau:

Đối với số tiền 60.000.000đ *(Sáu mươi triệu đồng)* bà xin trả dần theo vụ lúa, 1 vụ lúa trả 15.000.000đ cho đến khi hết nợ.

Đối với 05 (năm) chỉ vàng 24kr9999 bà xin trả dần theo năm 1 năm trả 01 (một) chỉ vàng 24kr9999 cho đến khi hết nợ

Số nợ trên bà Th có trách nhiệm trả cho ông Đ chồng bà ông Trần Văn B không liên quan gì trong vụ kiện nay.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Trần Văn B vắng mặt không có lý do và không có ý kiến trình bày.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định.

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Ông Trần Văn Đ khởi kiện yêu cầu bà Nguyễn Thị Th trả 60.000.000đ *(Sáu mươi triệu đồng)* và 05 (năm) chỉ vàng 24kr9999 yêu cầu trả một lần và không yêu cầu tính lãi. Đây là quan hệ tranh chấp hợp đồng vay tài sản được quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thẩm quyền: Bị đơn bà Nguyễn Thị Th có nơi đăng ký hộ khẩu thường trú tại ấp T L, xã T Th, huyện T H, tỉnh Kiên Giang, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện T H, tỉnh Kiên Giang. Theo quy định tại khoản 1 Điều 35 điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bà Nguyễn Thị Th, ông Trần Văn B có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ vào khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà Nguyễn Thị Th, ông Trần Văn B.

[4] Tại phiên giải ngày 06/5/2025 và tại phiên tòa nguyên đơn xin rút lại yêu cầu tính lãi và rút lại yêu cầu khởi kiện đối với người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Trần Văn B, không yêu cầu ông Trần Văn B liên đới trả nợ trên. Việc rút một phần yêu cầu khởi kiện này hoàn toàn tự nguyện, không vượt quá phạm vi yêu cầu khởi kiện ban đầu, nên Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự, chấp nhận việc rút một phần khởi kiện của phía nguyên đơn.

[5] Về nội dụng: Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Trần Văn Đ kiện yêu cầu bà Nguyễn Thị Th trả số tiền 60.000.000đ *(Sáu mươi triệu đồng)* và 05 (năm) chỉ vàng 24kr9999 yêu cầu trả một lần và không yêu cầu tính lãi.

Hội đồng xét xử xét thấy tại biên bản hòa giải ngày 06/5/2025 bà Nguyễn Thị Th xác nhận còn nợ ông Trần Văn Đ số tiền 60.000.000đ *(Sáu mươi triệu đồng)* và 05 (năm) chỉ vàng 24kr9999 do hoàn cảnh khó khăn bà xin trả dần cho ông Đ. Đây là tình tiết, sự kiện không phải chứng minh, căn cứ vào khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử xác định đây là sự thật.

[6] Xét yêu cầu của bị đơn bà Nguyễn Thị Th cho rằng hiện nay gia đình đang gặp khó khăn về kinh tế xin trả dần cho ông Đ cụ thể như sau:

Đối với số tiền 60.000.000đ *(Sáu mươi triệu đồng)* bà xin trả dần theo vụ lúa, 1 vụ lúa trả 15.000.000đ cho đến khi hết nợ.

Đối với 05 (năm) chỉ vàng 24kr9999 bà xin trả dần theo năm 1 năm trả 01 (một) chỉ vàng 24kr9999 cho đến khi hết nợ. Việc bà Th xin trả dần không được ông Đ chấp nhận. Hơn nữa trước đây Đ cũng để thời gian cho bà Th thực hiện nghĩa vụ trả nợ nhưng bà Th không thực hiện. Việc bà Th không thực hiện nghĩa vụ trả nợ là xâm hại đến quyền và lợi ích của ông Đ. Do đó, Hội đồng xét xử không chấp nhận xin được trả dần của bà Th.

[7] Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Trần Văn B không có ý kiến và yêu cầu gì trong vụ kiện này. Nên Hội đồng không xem xét.

Từ những cơ sở trên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trần Văn Đ buộc bà bà Nguyễn Thị Th trả cho ông Trần Văn Đ số tiền 60.000.000đ *(Sáu mươi triệu đồng)* và 05 (năm) chỉ vàng 24kr9999.

Giá vàng trên thị trường tại thời điểm giải quyết vụ án theo báo mới ngày 25/6/2025 là 01 (một) chỉ vàng 24k9999 là 11.350.000đ.

[7] Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: Áp dụng khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường Vụ Quốc Hội khóa 14 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Giá trị tài sản tranh chấp là 60.000.000đ *(Sáu mươi triệu đồng)*.

Giá trị tài sản tranh chấp là 05 (năm) chỉ vàng 24kr9999

11.350.000đ x 5 (năm) chỉ vàng 24kr9999 = 56.750.000đ

60.000.000đ + 56.750.000đ = 116.750.000đ

Án phí tính như sau: 116.750.000đ x 5% = 5.837.500đ (*Năm triệu tám trăm bốn mươi hai nghìn năm trăm đồng*).

Yêu cầu của ông Đ được chấp nhận nên ông Đ không phải chịu tiền án phí. Trả lại cho ông Trần Văn Đ số tiền tạm ứng án phí 2.650.000đ (*Hai triệu sáu trăm năm mươi nghìn đồng*) đã nộp theo lai thu số 0013565 ngày 25/3/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T H, tỉnh Kiên Giang.

- Buộc bà Nguyễn Thị Th phải nộp số tiền án phí 5.842.500đ (*Năm triệu tám trăm bốn mươi hai nghìn năm trăm đồng*).

Nhưng xét bà Nguyễn Thị Th có đơn xin miễn án phí được Ủy ban nhân dân xã xác nhận gia đình đang gặp khó khăn về kinh tế. Ngoài ra bà Th là người cao tuổi được miễn tiền án phí được quy định tại điểm đ, khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Do đó, bà Nguyễn Thị Th không phải chịu án phí.

[8] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 92,Điều 147; Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 351, Điều 463, Điều 466 và 470 Bộ luật dân sự 2015.

Căn cứ khoản điểm đ, khoản 1 Điều 12 và khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Trần Văn Đ.

2. Đình chỉ yêu cầu tính lãi và đình chỉ yêu cầu khởi kiện đối với người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Trần Văn B.

3. Buộc bà Nguyễn Thị Th trả cho ông Trần Văn Đ số tiền 60.000.000đ *(Sáu mươi triệu đồng)* và 05 (năm) chỉ 24kr9999 vàng nhẫn. (Giá vàng tính theo giá thị trường)

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ

ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch:

Trả lại cho ông Trần Văn Đ số tiền tạm ứng án phí 2.650.000đ (*Hai triệu sáu trăm năm mươi nghìn đồng*) đã nộp theo lai thu số 0013565 ngày 25/3/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T H, tỉnh Kiên Giang.

Bà bà Nguyễn Thị Th là người cao tuổi được miễn tiền án phí được quy định tại điểm đ, khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Trường hợp bản án quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Quyền kháng cáo: Ông Trần Văn Đ có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bà Nguyễn Thị Th, ông Trần Văn B có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- Tòa án ND tỉnh Kiên Giang
- VKSND huyện Tân Hiệp;
- THA dân sự huyện Tân Hiệp;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Danh Vũ